| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH YÊN BÁI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2694/QĐ-UBND | *Yên Bái, ngày 17 tháng 12 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Môi trường; Địa chất và khoáng sản; Tài nguyên nước; Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 681/TTr-STNMT ngày 16/11/2018,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Môi trường; Địa chất; Khoáng sản; Tài nguyên nước; Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái.

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3**. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CTUBND tỉnh: Nguyễn Chiến Thắng;
- Phó Chánh VPUBND tỉnh (NC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**KT.CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chiến Thắng**

**DANH MỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC: MÔI TRƯỜNG; ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN; TÀI NGUYÊN NƯỚC; KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH YÊN BÁI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

## A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---|---|
| **I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG** | | | | | |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường | - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;<br>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. | Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái. | - Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;<br>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;<br>- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;<br>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: 20 ngày làm việc. | | | một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Yên Bái;<br>- Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (*trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)* | - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.<br>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.<br>- Thời hạn phê duyệt báo cáo | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh | Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh. | - Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;<br>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;<br>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;<br>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;<br>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 5/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | đánh giá tác động môi trường: 20 ngày làm việc. | | | của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;<br>- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Yên Bái;<br>- Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. |
| 3 | Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (*trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê* | - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.<br>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. | Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh. | - Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;<br>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;<br>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;<br>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;<br>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | *duyệt.* | kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.<br>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: 20 ngày làm việc. | | | - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;<br>- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Yên Bái;<br>- Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. |
| 4 | Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử | - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.<br>- Thời hạn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời: | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội | Không quy định. | - Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;<br>- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất | 30 ngày làm việc (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân. | nghị tỉnh. | | Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 của Bộ trưởng của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;<br>- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Yên Bái. |
| 5 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (Trường hợp Giấy xác nhận hết hạn) | - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.<br>- Thời hạn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời: 20 ngày làm việc (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân). | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. | Không quy định. | - Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;<br>- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 của Bộ trưởng của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Yên Bái; |
| 6 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng) | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. | Không quy định. | - Thông tư 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 của Bộ trưởng của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;<br>- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Yên Bái. |
| **II. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN** | | | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản | - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 55 ngày;<br>- Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò: không quá | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, | 1. Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha): 4.000.000 đồng/ giấy phép;<br>2. Diện tích thăm dò từ 100 ha đến | - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;<br>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;<br>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 28 ngày;<br>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 07 ngày. | thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. | 50.000 ha: 10.000.000 đồng/ giấy phép;<br>3. Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 15.000.000 đồng/ giấy phép. | doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định tổ chức và hoạt động của hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản;<br>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;<br>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;<br>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;<br>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. |
| 2 | Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản | - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 35 ngày;<br>- Thời hạn giải quyết chuyển nhượng Giấy phép thăm dò: không quá 7 ngày;<br>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. | 1. Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha): 2.000.000 đồng/ giấy phép;<br>2. Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha: 5.000.000 đồng/ giấy phép;<br>3. Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 7.500.000 đồng/ giấy phép. | - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;<br>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;<br>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. |
| **III. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC** | | | | | |
| 1 | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000$m^3$/ngày | - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 44, đường Điện Biên, phường | Phí Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất: | - Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;<br>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | đêm | Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc;<br>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 5 ngày làm việc. | Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái – Tầng 1. | - Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 $m^3$/ngày đêm: 420.000đ/1 đề án;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200$m^3$ đến dưới 500$m^3$/ngày đêm: 1.150.000đ/1 đề án, báo cáo;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500$m^3$ đến dưới 1.000$m^3$/ngày đêm: 2.720.000đ/1 đề án, báo cáo;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000$m^3$ đến dưới 3.000$m^3$/ngày đêm: 5.225.000đ/1 đề án, báo cáo. | - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính Phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;<br>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;<br>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;<br>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái;<br>- Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. |
| 2 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000$m^3$/ngày đêm | - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;<br>- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc;<br>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 5 ngày | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái – Tầng 1. | Phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức thu theo quy định:<br>- Đối với Thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 $m^3$/ngày đêm: 210.000đ/1 đề án;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200$m^3$ đến dưới 500$m^3$/ngày đêm. 575.000đ/ 1 đề án, báo cáo;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500$m^3$ đến dưới 1.000$m^3$/ngày đêm: 1.360.000đ/ 1 đề án, báo cáo;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000$m^3$ đến dưới | - Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;<br>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; (Đ 36)<br>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính Phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;<br>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;<br>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;<br>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | làm việc. | | 3.000m$^3$/ngày đêm: 2.612.500đ/ 1 đề án, báo cáo. | của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái;<br>- Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. |
| 3 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m$^3$/ngày đêm | - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;<br>- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái – Tầng 1. | Phí Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất:<br>- Đối với Thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m$^3$/ngày đêm: 420.000đ/1 đề án;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200m$^3$ đến dưới 500m$^3$/ngày đêm: 1.150.000đ/1 đề án, báo cáo;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu | - Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;<br>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;<br>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính Phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;<br>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc;<br>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 5 ngày làm việc. | | lượng nước từ 500m$^3$ đến dưới 1.000m$^3$/ngày đêm: 2.720.000đ/ 1 đề án, báo cáo;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m$^3$ đến dưới 3.000m$^3$/ngày đêm: 5.225.000đ/ 1 đề án, báo cáo. | bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;<br>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;<br>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái;<br>- Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. |
| 4 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m$^3$/ngày đêm | - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;<br>- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái – Tầng 1. | Phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất bằng 50% mức thu theo quy định:<br>- Đối với Thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m$^3$/ngày đêm: 210.000đ/1 đề án; | - Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;<br>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;<br>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;<br>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính Phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc;<br>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 5 ngày làm việc. | | - Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200m$^3$ đến dưới 500m$^3$/ngày đêm. 575.000đ/ 1 đề án, báo cáo;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500m$^3$ đến dưới 1.000m$^3$/ngày đêm: 1.360.000đ/ 1 đề án, báo cáo;<br>- Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m$^3$ đến dưới 3.000m$^3$/ngày đêm: 2.612.500đ/ 1 đề án, báo cáo. | - Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;<br>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;<br>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;<br>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái;<br>- Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. |
| 5 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, | - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 44, đường Điện | Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt:<br>- Đối với đề án, báo cáo hiện trạng | - Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;<br>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | đệm đối với các | hợp lệ. Thời gian | | | tài nguyên và môi trường; |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | - Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 20.000 $m^3$ đến dưới 30.000 $m^3$/ ngày đêm: | |

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của

chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào

tra hồ sơ: Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ

Phục vụ Hành chính công tỉnh

hạn, điều chỉnh đề án xả nước thải

định đề án, báo cáo Thời gian thẩm định sau khi

500$m^3$/ngày đêm: 940.000đ/ 1 đề án, báo cáo;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | được bổ sung hoàn chỉnh là 20 | | báo cáo có lưu lượng nước từ | phép tài nguyên nước; |
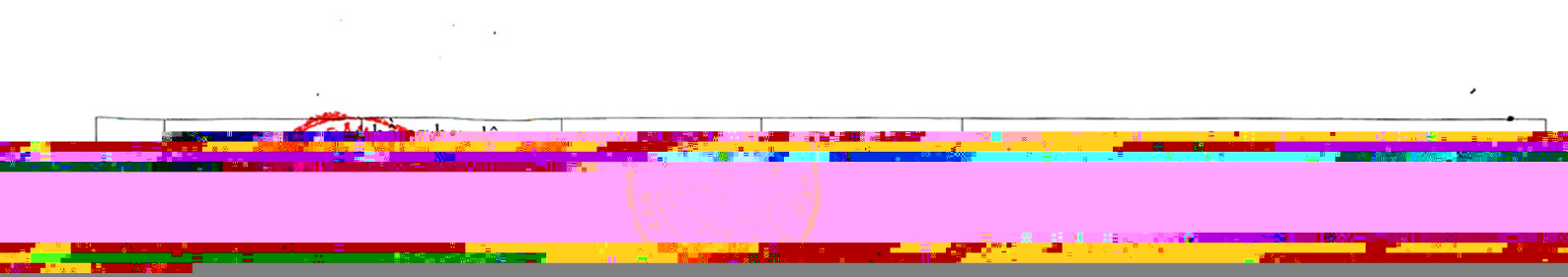
| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | | | | | | |